

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 157/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của
Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2869/QĐ-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Bộ
Tài chính về việc công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm
vi, chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 151/TTr-STC ngày
10 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban
hành (mã TTHC: 1.013040) trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi, chức năng quản
lý của Sở Tài chính.

(Chi tiết tại: Phần I - Danh mục TTHC; Phần II - Nội dung cụ thể TTHC)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính;
Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Công
an tỉnh; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công;
Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố



và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, NC, KT;
- Trung tâm Chuyển đổi số (Sở TTTT);
- Lưu: VT, Nhi.



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC
Thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện				
1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Thuế	Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí)

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải

1. Trình tự thực hiện

1.1. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi chung là tổ chức thu phí)

a) Cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải: Hằng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí lập Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (sau đây gọi chung là Tờ khai phí), gửi hồ sơ cho tổ chức thu phí, nộp phí theo quy định.

b) Cơ sở xả khí thải không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải:

Trường hợp cơ sở xả khí thải mới đi vào hoạt động từ ngày Nghị định số 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của tháng bắt đầu đi vào hoạt động, người nộp phí lập Tờ khai phí, gửi hồ sơ cho tổ chức thu phí, nộp phí theo quy định. Số phí phải nộp được tính cho thời gian từ tháng tiếp theo của tháng bắt đầu đi vào hoạt động đến hết năm dương lịch (hết ngày 31 tháng 12 của năm bắt đầu hoạt động). Từ năm tiếp theo, người nộp phí nộp phí một lần cho cả năm, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Trường hợp cơ sở xả khí thải đang hoạt động trước ngày Nghị định số 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo của tháng Nghị định số 153/2024/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành, người nộp phí lập Tờ khai phí, gửi hồ sơ cho tổ chức thu phí, nộp phí theo quy định. Số phí phải nộp được tính cho thời gian từ tháng tiếp theo của tháng Nghị định số 153/2024/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành đến hết năm dương lịch. Từ năm tiếp theo, người nộp phí nộp phí một lần cho cả năm, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kiểm tra, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ của người nộp phí.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí của cơ sở xả khí thải, tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí. Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Trường hợp số phí phải nộp thấp hơn số phí đã kê khai, nộp thì người nộp phí thực hiện bù trừ số phí nộp thừa vào số phí phải nộp của kỳ sau theo quy định. Trường hợp số phí phải nộp cao hơn số phí đã kê khai, nộp thì người nộp phí phải nộp bổ sung số phí còn thiếu cho tổ chức thu phí.

1.2. Tại Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí).

a) Người nộp phí lập Tờ khai phí, gửi hồ sơ cho Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí) theo quy định tại điểm a, điểm b tiểu mục 1.1 Mục này.

b) Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí) thực hiện kiểm tra, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của người nộp phí và gửi Kết quả thẩm định Tờ khai phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cơ sở xả khí thải hoạt động, đồng thời gửi cho cơ sở xả khí thải để thực hiện nộp phí theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

2.1. Người nộp phí nộp hồ sơ theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí).

b) Nộp qua bưu chính.

c) Nộp qua môi trường điện tử trong trường hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phép và đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử, chữ ký số, văn bản điện tử.

2.2. Người nộp phí nộp phí, tiền chậm nộp phí (nếu có) theo một trong các hình thức sau:

a) Nộp theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng.

b) Nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

c) Nộp qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với tổ chức thu phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai phí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời gian giải quyết

4.1. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức thu phí thẩm định Tờ khai phí trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai phí. Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định

khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải gửi người nộp phí, chậm nhất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định.

4.2. Tại Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí) hoặc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí)

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí) thực hiện thẩm định Tờ khai phí và gửi Kết quả thẩm định Tờ khai phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cơ sở xả khí thải hoạt động, đồng thời gửi cho cơ sở xả khí thải để thực hiện nộp phí theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Người nộp phí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP là các cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung cấp phép về xả khí thải bao gồm:

5.1. Cơ sở sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu);

5.2. Cơ sở sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ và hợp chất ni tơ (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sang chiết);

5.3. Cơ sở lọc, hóa dầu;

5.4. Cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

5.5. Cơ sở sản xuất than cốc, sản xuất khí than;

5.6. Nhà máy nhiệt điện;

5.7. Cơ sở sản xuất xi măng;

5.8. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác có phát sinh bụi, khí thải công nghiệp không thuộc các điểm 5.1, điểm 5.2, điểm 5.3, điểm 5.4, điểm 5.5, điểm 5.6 và điểm 5.7 nêu trên.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

7.1. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi

trường: Trường hợp số phí phải nộp theo kết quả thẩm định khác với số phí người nộp phí đã kê khai, nộp thì tổ chức thu phí ban hành Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

7.2. Tại Công an tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí) hoặc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí): Kết quả thẩm định Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên Tờ khai phí: Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở xả khí thải thuộc đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định số 153/2024/NĐ-CP phải có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung cấp phép về xả khí thải.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

12. Mẫu tờ khai phí:

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Kính gửi: [1]

Tên người nộp phí:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản số: Tai ngân hàng:

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: (Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ i

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm³/giờ):

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm^3)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C_i)
Bụi		
NO _x (gồm NO ₂ và NO)		
SO _x		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường):

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \sum C_i$)*

C = đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này =
.....đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước
(Viết bằng chữ):
.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định

Tờ khai phí

Tờ khai phí ngày

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

...., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KHAI, NỘP PHÍ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

* **Ghi chú:** Đối với cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải không phải kê Mục C Tờ khai phí này.

[1] Sở Tài nguyên và Môi trường/Phòng Tài nguyên và Môi trường/Công an tỉnh (hoặc cơ quan được Công an tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí)/ Ban chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc cơ quan được Ban chỉ huy quân sự tỉnh giao tiếp nhận Tờ khai phí).